

Số: **423** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **27** tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Sửa chữa xe ô tô  
48A-0107 của Thanh tra tỉnh Đắk Nông**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC, ngày 29 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 1971/QĐ-UBND, ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018;

Xét đề nghị của Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 137/TTr-TTr ngày 27/02/2018 và Báo cáo thẩm định của Sở Tài chính tại văn bản số 35/BC-STC ngày 13/3/2018, về kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Sửa chữa xe ô tô 48A-0107 của Thanh tra tỉnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Sửa chữa xe ô tô 48A-0107 của Thanh tra tỉnh cụ thể như sau:

**1. Tên gói thầu:** Sửa chữa xe ô tô 48A-0107.

**2. Đơn vị thực hiện:** Thanh tra tỉnh.

**3. Giá gói thầu mua sắm:** 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Giá gói thầu trên là giá tối đa các loại vật tư, phụ tùng xe Toyota và công sửa chữa, đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển.

**4. Nguồn vốn:** Ngân sách nhà nước tại Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông.



5. **Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Chào hàng cạnh tranh rút gọn.
6. **Phương thức lựa chọn nhà thầu:** Một giai đoạn một túi hồ sơ.
7. **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu:** Quý II/2018.
8. **Loại hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói.
9. **Thời gian thực hiện hợp đồng:** 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
10. **Danh mục chi tiết sửa chữa theo phụ lục đính kèm.**

**Điều 2.** Thanh tra tỉnh (Bên mời thầu) có trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo số lượng, chủng loại, công năng, chất lượng thiết bị, hiệu quả sử dụng và tuân thủ các quy định hiện hành.

Sở Tài chính chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định; hướng dẫn, tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Công TTĐT, CNXD (Tr).

03



**Nguyễn Bốn**





**PHỤ LỤC: Giá gói thầu Sửa chữa xe ô tô nhãn hiệu Toyota  
biển kiểm soát 48A - 0107**

(Kèm theo Quyết định số 423/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>PHẦN MÁY</b>				<b>32.738.000</b>
1	Bộ Joăng máy	Bộ	1	3.680.000	3.680.000
2	Pít tông	Bộ	1	3.290.000	3.290.000
3	Mài cốt máy	Cây	1	900.000	900.000
4	Xi lanh máy	Bộ	1	2.145.000	2.145.000
5	Bạc séc măng	Bộ	1	2.792.000	2.792.000
6	Bạc biên 0,25	Bộ	1	946.000	946.000
7	Ba li ê	Bộ	1	1.749.000	1.749.000
8	Git Xuúp páp	Cái	8	110.000	880.000
9	Bu li cốt máy	Cái	1	2.450.000	2.450.000
10	Cây su páp hút	Cái	4	587.500	2.350.000
11	Cây su páp xả	Cái	4	487.500	1.950.000
12	Bu gi	Cái	4	176.000	704.000
13	Bơm nước	Cái	1	3.800.000	3.800.000
14	Bơm nhớt	Cái	1	1.600.000	1.600.000
15	Lọc xăng	Cái	1	780.000	780.000
16	Lọc gió	Cái	1	670.000	670.000
17	Lọc nhớt	Cái	1	242.000	242.000
18	Nước làm mát máy	Lọ	2	80.000	160.000
19	Nhớt máy	Lít	6	120.000	720.000
20	Dầu rửa máy	Lít	12	15.000	180.000
21	Xăng rô đa+ thử xe	Lít	50	15.000	750.000
<b>II</b>	<b>PHẦN GẮM</b>				<b>46.934.000</b>
1	Bi moay ơ trước trong	Cái	2	800.000	1.600.000
2	Bi moay ơ trước ngoài	Cái	2	890.000	1.780.000
3	Phốt moay ơ trước	Cái	2	320.000	640.000
4	Bi moay ơ sau	Cái	2	1.404.000	2.808.000
5	Phốt moay ơ sau	Cái	2	195.000	390.000
6	Rô tuyn cánh gà trên	Cái	2	7.200.000	14.400.000
7	Rô tuyn trụ dưới	Cái	2	946.000	1.892.000
8	Rô tuyn lái trong	Cái	2	1.023.000	2.046.000
9	Bi chữ thập cạc đăng	Cái	2	839.000	1.678.000
10	Cao su gói cầu trước	Cục	2	550.000	1.100.000
11	Cao su nhíp	Cục	12	66.000	792.000
12	Bộ lót nhíp	Bộ	1	380.000	380.000
13	Cao su thanh giăng	Cục	10	66.000	660.000

14	Cao su giăng chữ A	Cục	4	132.000	528.000
15	Cao su hộp số	Cục	1	240.000	240.000
16	Nhớt cầu	Lít	4	100.000	400.000
17	Nhớt hộp số	Lít	4	100.000	400.000
18	Lốp xe	Cái	4	3.800.000	15.200.000
<b>III</b>	<b>PHẦN ĐỒNG, SƠN</b>				<b>16.025.000</b>
1	Sơn dặm quanh xe và đánh bát	Xe	1	12.800.000	12.800.000
2	Roang cửa trước hai bên	Sợi	2	1.612.500	3.225.000
<b>IV</b>	<b>PHẦN LẠNH</b>				<b>12.175.000</b>
1	Phin lọc ga	Cái	1	1.075.000	1.075.000
2	Dàn lạnh (vệ sinh, sạc ga)	Bộ	1	1.600.000	1.600.000
3	Két lạnh	Cái	1	9.500.000	9.500.000
<b>V</b>	<b>PHẦN MUI NỆM VÀ PHỤ KIỆN KHÁC</b>				<b>21.550.000</b>
1	Lót sàn	Tấm	1	1.050.000	1.050.000
2	Bọc nệm ghế da	Xe	1	19.000.000	19.000.000
3	Nước hoa	Lọ	1	950.000	950.000
4	Lót ghế ngồi	Bộ	1	550.000	550.000
<b>VI</b>	<b>PHẦN NHÂN CÔNG</b>				<b>5.200.000</b>
1	Tiền công phần máy	Xe	1	2.000.000	2.000.000
2	Tiền công phần gầm	Xe	1	1.200.000	1.200.000
3	Vệ sinh nội thất	Xe	1	900.000	900.000
4	Tiền công phần đồng+sơn	Xe	1	500.000	500.000
5	Tiền công phần lạnh, mui nệm	Xe	1	600.000	600.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>134.622.000</b>
<b>Làm tròn</b>					<b>135.000.000</b>